

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 571/2017/HSPT

Ngày: 09/8/2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Bà Đặng Thị Thanh Huyền.**

- Các Thẩm phán: Ông Lưu Ngọc Cảnh

Bà Nguyễn Thị Xuân Thu

Thị ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thoa - Thị ký Toà án, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Lưu Mạnh Hoan- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 370/2017/HSPT ngày 09/5/2017 đối với bị cáo Nguyễn H T và 04 bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

1 **NGUYỄN HỮU T**, sinh năm 1968; Trú tại: Y, H, Đ, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 7/10; Con ông Nguyễn H Tuyền (đã chết) và bà Bùi Thị Tứ (đã chết); Vợ Trần Thị S (L); Có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1998;

Danh chỉ bản số 236 ngày 22/5/2016 của Công an huyện Đ;

TATS: + Ngày 23/4/1994, Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc (đã được xóa);

+ Ngày 05/10/2012 Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Trực tiếp xâm hại hoặc thuê người khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng người khác và hành vi có cử chỉ lời nói thô bạo, khiêu khích, trêu ghẹo xúc phạm danh dự người khác (đã được xóa).

+ Ngày 08/8/1995, Tòa án nhân dân huyện Đ tuyên phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: Đánh bạc (đã được xóa án tích

Bắt tạm giam từ ngày 20/05/2016 đến nay, có mặt tại phiên tòa

2/**NGÔ ĐÌNH Đ**, sinh năm 1974; Trú tại: L, Xuân C, Đ, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 8/12; Con ông: Ngô Đăng Tỉnh và bà Nguyễn Thị Chinh; Vợ Lê Thị H; Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014;

Danh chỉ bản số 201 ngày 16/5/2016 của Công an huyện Đ; TATS: 01 tiền án: *Ngày 25/5/2007, Tòa án nhân dân huyện G tuyên phạt 28 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích).*

Bắt tạm giam từ ngày 14/05/2016 đến nay, có mặt tại phiên tòa

3/**NGÔ HUY C**, sinh năm: 1980; Trú tại: B51 ngõ 455/6 H, TT Y, G, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12; Con ông Ngô Văn Cảnh và bà Nguyễn Thị Nhung; Vợ Nguyễn Thị Đ; Có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006.

Danh chỉ bản số 200 ngày 16/5/2016 của Công an huyện Đ;

TATS: 02 tiền án: + *Ngày 06/7/2006, Tòa án nhân dân TP Hà Nội tuyên phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: Đánh bạc (đã được xóa án tích);*

+ *Ngày 17/7/2013, Tòa án nhân dân TP Hà Nội tuyên phạt 15 tháng tù giam về tội Cường đoạt tài sản, ra tù ngày 11/3/2015(chưa được xóa án tích).*

Bắt tạm giam từ ngày 14/05/2016 đến nay, có mặt tại phiên tòa

4/ **NGUYỄN ĐÌNH Đ**, sinh năm: 1971; Trú tại: Thôn Đ, Kim N, Đ, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 7/10; Con ông Nguyễn Đình P và bà Hoàng Thị N; Vợ Nguyễn Thị H; Có 03 con, lớn sinh năm 1989; nhỏ sinh năm 2006.

Danh chỉ bản số 191 ngày 09/5/2016 của Công an huyện Đ;

TATS: 01 tiền án, 01 tiền sự: + *Ngày 31/12/2001, Công an huyện Đ lập danh chỉ bản xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Cố ý gây thương tích (đã được xóa);*

+ *Ngày 02/8/2008, Tòa án nhân dân huyện Đ tuyên phạt 12 tháng tù giam về tội Cường đoạt tài sản (đã được xóa án tích).*

Bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2016 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5/**NGUYỄN HỮU T**, sinh năm: 1977; Trú tại: Y, H, Đ, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 7/10; Con ông Nguyễn H H và bà Lê Thị G; Vợ Nguyễn Thị D; Có 03 con, lớn sinh năm 2007; nhỏ sinh năm 2016.

Danh chỉ bản số 195 ngày 09/5/2016 của Công an huyện Đ; TATS: Không; Bất tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2016 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo** Nguyễn H T:

Ông Nguyễn Danh Hưng và bà Phan Thị Lệ Tuyên- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Hưng Giang, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1984; trú tại: Xóm 1, thôn H, xã H, Đ, Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị S (L), sinh năm 1968; trú tại: thôn Y, xã H, Đ, Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979; trú tại B51, Ngõ 455/6, H, Thị trấn Y, G, Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

3. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986; trú tại: K, T, P, Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

4. Chị Lê Thị H, sinh năm 1979; trú tại: thôn L, xã X, Đ, Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

5. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987; trú tại: thôn Y, xã H, Đ, Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

6. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990; trú tại: thôn H, xã H, Đ, Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người giám định:** Ông Đặng Trần D và ông Trần Văn Ban: Giám định viên pháp y- Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát, vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ thì vụ án có nội dung như sau:

Vào khoảng tháng 10/2014, Nguyễn H T bán cho anh Nguyễn Văn K (sinh năm 1984; trú tại: H, H, Đ, Hà Nội) trang mạng cá độ bóng đá trái phép, trị giá 20.000USD (tương đương khoảng 400.000.000đ). Anh K sử dụng trang mạng này để tổ chức cá độ bóng đá trái phép và bị thua hết tiền. Anh K đã trả cho

Nguyễn H T tổng số 330.000.000đ, còn nợ 70.000.000đ. Bị can T nhiều lần đòi nợ nhưng anh K khất vì chưa có tiền trả.

Thấy anh K tránh mặt, không trả nợ, không nghe điện thoại của T, T bảo Đ cùng đàn em tìm anh K đòi nợ giúp. Đ nói với T, hiện Đ đang nợ anh K số khoảng 70.000.000đ tiền thua cá độ bóng đá. T nói với Đ nếu lấy được tiền của anh K, T sẽ cho Đ số tiền Đ đang nợ K, bị can Đ đồng ý.

Khoảng 17 giờ 00 ngày 20/4/2016, Nguyễn Đình Đ gọi các bị can Ngô Đình Đ, Ngô Huy C và đối tượng Nguyễn Việt V (sinh năm 1979; trú tại: Xuân T, Xuân C, Đ, Hà Nội) đến quán “Caffe karaoke Bảy Nhớ” của bị can Đ (tại Thôn B, K, Đ, Hà Nội) rồi bảo cả bọn đi cùng Đ đến gặp anh K đòi tiền cho T. Cả bọn chuẩn bị đi thì bị can Nguyễn H T đi ô tô nhãn hiệu Kia màu trắng, BKS: 29A-406.85 (xe của bị can C cho T mượn đi có việc trước đó) đến. Bị can Đ bảo T lái xe chở C và đi theo xe ô tô của V điều khiển (xe ô tô KIA Morning) chở Đ và Đ đi trước.

Khi cả nhóm đi đến xưởng cơ khí của anh K (tại thôn H, xã H, Đ, Hà Nội), V nói với bị can C và Đ có việc phải về trước. Các bị can Đ, Đ, T và C đi bộ vào gặp anh K, bị can Đ nói “Mày về trả nợ cho bố T”. Anh K nói “Em nợ bố T, không nợ gì các anh, em gọi cho bố rồi”. Bị can Đ nói “Mày gọi điện thoại cho bố rồi mà sao bố vẫn bảo tao tìm mày về trả nợ cho bố”. Anh K nói “Anh trả em 70.000.000đ để em trả cho bố coi như là xong”. Bị can Đ nói “Việc nào đi việc ấy, mày nợ tiền bố, mày phải về trả nợ cho bố, tao nợ tiền mày tao sẽ trả sau”. Bị can Đ cùng đồng bọn tiếp tục yêu cầu anh K phải đi về gặp T trả nợ. Anh K sợ không muốn đi nên lấy lý do sang nhà anh Nguyễn Đắc Đ (sinh năm 1976; trú tại: Thôn H, xã H, Đ, Hà Nội) lắp khoá cửa, xong rồi sẽ đi. Các bị can Đ, Đ, T và C đứng đợi anh K. Bị can Đ gọi điện thoại báo cho bị can T đã tìm gặp được K. Bị can T yêu cầu Đ và đồng bọn “Bắt đưa nó về” để bắt nó trả nợ.

Không thấy anh K quay lại, T nói với Đ “thằng K nó trốn rồi”. Đ bảo các bị can Đ, C và T đi tìm và thấy anh K đang ở nhà trong nhà anh Điền, cả bọn vào bắt đi về. Anh K sợ bị đánh nên đi vào nhà gặp anh Lưu Văn T (sinh năm 1974; trú tại: Thôn H, xã H, Đ, Hà Nội – anh rể K nhà đối diện xưởng của anh K) nói “Tý chúng nó có làm gì em, nhờ anh gọi báo Công an giúp em”.

Các bị can Đ, Đ, T và C đi theo phía sau, thấy anh K ngồi uống nước ở sân nhà anh T. Đ quát “Đứng dậy về gặp bố T”. Anh K nói “Em không đi”. Đ cầm điều cày dúm về phía anh K. Đ giằng điều cày từ tay Đ không cho Đ dùng điều cày đánh K. Đ dùng chân, tay đánh anh K và bắt ép đi. Anh K kêu cứu, đồng thời ôm giá phơi quần áo. Bị can Đ bảo các bị can C, Đ vào lôi K đi. Đ dùng tay đâm vào ngực, mạng sườn anh K rồi túm chân vác lên vai. C, Đ cùng lao vào hỗ trợ đâm, đá và khênh anh K ra cổng nhà anh T. Đ bảo T lùi xe ô tô vào để đưa anh K về giao cho T.

Bị can Đ, Đ và C tiếp tục dùng tay, chân đánh vào ngực, bụng và đẩy anh K lên xe ô tô. Bị can T điều khiển xe ô tô, Đ ngồi ghế phụ, các bị can Đ và C ngồi hai bên khống chế anh K đưa về bãi đất trống sát nhà bị can T tại Y, H, Đ, Hà Nội.

Đến cổng nhà bị can T, T lùi xe ô tô đầu xe hướng ra ngoài Đ, bị can Đ ngồi trên xe khống chế anh K, các bị can Đ, T và C xuống xe ô tô. Thấy bị can T chưa về, Đ bảo T gọi điện thoại cho bị can T về. Bị can T gọi điện thoại hỏi bị can T “bố đang ở đâu, bọn con bắt được và đưa thằng K về cho bố rồi, bố về giải quyết đi”. Bị can T nói “Chúng mày đợi đấy, 05 phút nữa tao về đến nơi”.

Khoảng 05 phút sau, bị can T đi ô tô đến và quát “Con chó đấy đâu rồi, đưa nó xuống đây”. Đ bắt anh K xuống xe, đồng thời T lao đến dùng tay tát vào mặt anh K và nói “con chó mày có trả tiền tao không, mày định quyt nợ bố mày à, con chó mày có trốn được mãi không, nợ mày không trả, mày định ăn không của tao à”. Bị can T bắt anh K quỳ xuống, các bị can C và Đ đứng chặn không cho anh K chạy, T dùng chân đá vào bụng bắt anh K trả nợ, do không có tiền trả ngay cho T buộc anh K phải van xin khát nợ, T nói “Tao cho mày một tuần phải trả nợ tao, nếu không trả tao giết”, K tiếp tục van xin “Bố cho con khát 01 tháng con sẽ trả”, thấy K không có tiền trả ngay nên bị can T đành chấp nhận và nói “Con chó, mày nhớ lời hứa của mày đấy”, rồi lên xe bỏ đi.

Sự việc xảy ra anh K đến Cơ quan Công an trình báo, đề nghị Cơ quan điều tra làm rõ các đối tượng khống chế, đánh đập anh K nhằm chiếm đoạt của anh số tiền 70.000.000đ. Sau đó anh K được đưa đến Bệnh viện đa khoa Đ khám thương và điều trị.

Tại giấy chứng thương của Bệnh viện đa khoa Đ xác định thương tích của anh Nguyễn Văn K như sau: Bầm tím Đ kính khoảng 1/3 giữa ngực phải; Ba vết lằn đỏ da ở cổ phải; Vết thương kích thước (0,5x1)cm ở cẳng tay phải; X quang: Hình ảnh gãy xương sườn 4,6,7,8 bên trái.

Ngày 27/4/2016, Cơ quan điều tra, Quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ tổn hại % sức khỏe của anh K tại Trung tâm giám định pháp y- Viện khoa học hình sự - Bộ Công an. Ngày 06/5/2016, Trung tâm giám định pháp y - Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Anh K bị tổn hại **14%** sức khỏe.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng gồm:

+ Thu giữ của Nguyễn Đình Đ: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy màu trắng, số thuê bao 0967872699.

+ Thu giữ của Nguyễn H T: 01 điện thoại di động IPHONE 4, vỏ màu trắng số thuê bao 0968623253 và 01 điện thoại di động IPHONE 5, vỏ màu trắng số thuê bao 0904632623.

+ Thu giữ của Ngô Đình Đ: 01 điện thoại di động NOKIA 1208, màu đen, kèm sim số thuê bao 0994108889; 01 điện thoại di động XPHONE, màu xám, số thuê bao 01654923112 và số thuê bao 0973295226.

+ Thu giữ của Ngô Huy C: 01 điện thoại di động NOKIA 215, màu số thuê bao 01665525566; 01 điện thoại di động NOKIA 105 màu xanh đen, số thuê bao 01635835034, đồng thời khám xét nơi ở của bị can Ngô Huy C tại B51 Ngõ 455/6 H, TT Y, G, Hà Nội tạm giữ: 01 thanh tuýp sắt dài khoảng 80cm Đ kính 02cm, 02 dao nhọn, lưỡi dao dài khoảng 30cm, chuôi bằng gỗ dài khoảng 10cm (dạng dao chọc tiết lợn).

+ Thu giữ của Nguyễn H T: 01 điện thoại di động IPHONE 5S màu trắng số thuê bao 0904446899. Ngoài ra tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn H T tại thôn Y, H, Đ, Hà Nội Cơ quan điều tra tạm giữ:

+ 01 khẩu súng dài (dạng súng thể thao); 01 báng súng; 01 bộ phận thước ngắm; 01 hộp nhựa đựng 45 viên đạn.

+ 01 gói ma túy đá tại phòng hát KARAOKE tầng 4 nhà Nguyễn H T.

+ 01 gói ma túy trên xe ô tô của Nguyễn H T.

+ 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá.

- + 01 thanh đao dài khoảng 80cm.
- + 03 tuýp sắt dài khoảng 80cm, Đ kính 04cm, một đầu ống tuýp được cắt vát nhọn.
- + 01 thanh tuýp sắt dài khoảng 80cm, Đ kính 04cm, không có đầu nhọn.
- + 01 quyển sổ bìa màu đỏ có in chữ BUSINESS B8-240T kích thước (17,5x24,5)cm bên trong ghi người vay nợ tiền.
- + 01 quyển sổ bìa màu đen, bìa sổ in chữ BUSINESS-B8-240T kích thước (17,5x24,5)cm bên trong ghi người vay nợ tiền.
- + 01 quyển sổ bìa màu xanh-vàng, bìa có chữ NOTEBOOK bên trong ghi người vay nợ tiền.
- + 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở H nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 946872 mang tên Phan Mạnh D (bản photocopy)
- + 01 giấy vay tiền đề ngày 8/3/20...; 01 giấy vay tiền đề ngày 10/5/2011; 01 giấy vay tiền đề ngày 28/6/20...; 01 giấy vay tiền đề ngày 14/4/2011 có chữ ký và chữ viết của người vay Nguyễn Công L (đều là bản photôcopy).
- + 01 đơn tố cáo gửi phòng CSĐTTP về TTXH, Phòng PC 45 - Công an TP Hà Nội người đứng đơn là Nguyễn Đức T (sinh năm 1975; trú tại: C, H, Đ, Hà Nội) đề ngày 24/2/2015 (đơn không có chữ ký).
- + 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở H nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 442584 (bản photôcopy) mang tên Hoàng Thị T (sinh năm 1956; trú tại: L, L, Đ, Hà Nội).
- + 01 giấy vay tiền đề ngày 06/01/2015; 01 giấy vay tiền đề ngày 14/01/2015; 01 giấy vay tiền đề ngày 13/2/2015 đều mang tên Hoàng Thị T ký người vay.
- + 01 giấy đảm bảo vay tiền đề ngày 17/3/2015 có chữ ký người vay là Hoàng Thị T.
- + 01 giấy biên nhận tiền đặt cọc đất đề ngày 01/10/2015 có chữ ký của Hoàng Thị T.
- + 01 Giấy bàn giao đất, nhà đề ngày 06/3/2012 viết bằng mực màu xanh có chữ ký của Nguyễn Thị Loan P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A và Nguyễn Anh T.

+ 01 giấy bàn giao nhà đề ngày 06/3/2012 có chữ ký của Nguyễn Thị Loan P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A viết bằng mực màu xanh.

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn T (bản photocopy).

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01C8001658 mang tên Nguyễn Anh T (bản photocopy).

+ 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của Nguyễn Anh T, Nguyễn Ngọc H, Hà Thị L và Nguyễn Văn A.

+ 01 giấy bán nhà và nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 06/11/2011.

+ 01 giấy chuyển nhượng đất khai hoang đề ngày 30/12/2013 có chữ ký của Nguyễn Thị V, Lê Quý K, Nguyễn Thị M, Bùi Thanh H (bản photocopy).

+ 01 giấy vay tiền đề ngày 20/9/2013 có chữ ký của người vay Nguyễn Quốc H.

+ 01 hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1673111/TC đề ngày 11/8/2014 tại VP Bank Cửa Bắc.

+ 01 hợp đồng tín dụng số 1673111 đề ngày 11/8/2014 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Chi nhánh Hà Nội, Phòng giao dịch Cửa Bắc.

+ 01 hợp đồng gửi giữ tài sản số 1673111/GG đề ngày 11/8/2014 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK)- Chi nhánh Hà Nội- Phòng giao dịch Cửa Bắc.

+ 01 kế ước nhận nợ số 1673111 đề ngày 11/8/2014 tại VPB Cửa Bắc.

+ 01 Giấy biên nhận đề ngày 19/9/2014 có chữ ký người viết Nguyễn Quang H.

+ 01 giấy chuyển nhượng đất 64 đề ngày 2/7/2012 có chữ ký của Nguyễn Văn L, Vũ Văn N, Nguyễn T H và Bùi Thanh H.

+ 10 tờ giấy vay nợ (bản photocopy) có chữ ký người vay là Nguyễn Văn K (người bị hại của vụ án) viết và 02 quyền sở hộ khẩu photocopy.

+ 01 ổ cứng camera màu đen có in chữ Vantech.

+ 02 sim điện thoại di động.

+ Số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Quá trình khám xét nơi ở của bị can T (tại cánh đồng thôn V, xã V, Đ, Hà Nội), Công an huyện Đ phát hiện các đối tượng Nguyễn Huy H (sinh năm 1970; trú tại: 124 T, T, Hà Nội), Bùi Văn T (sinh năm 1973) và Nguyễn Đức T (sinh

năm 1975) đều trú tại: C, H, Đ, Hà Nội) đang có mặt tại nhà bị can T. Phát hiện 02 gói linon chứa chất ma túy đá (trong đó 01 gói ở dưới thảm nền nhà phòng hát Karaoke và 01 gói dưới gầm bàn trong phòng hát Karaoke). Phát hiện và tạm giữ 01 gói chứa chất ma túy đá bên trong vali ở phòng ngủ của bị can T và một bộ dụng cụ tự chế để sử dụng chất ma túy đá. Đồng thời thu giữ trong người Nguyễn Huy H 4,847gam chất Methamphetamine (chất ma túy đá).

Kết quả điều tra xác định Nguyễn Huy H đã có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, vi phạm khoản 2 Điều 194 BLHS. Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Huy H. Ngày 23/9/2016, Tòa án nhân dân huyện Đ tuyên phạt 5 năm tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đối với Nguyễn Huy H, Bùi Văn T và Nguyễn Đức T có hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà bị can Nguyễn H T, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 27/5/2016, Cơ quan điều tra Quyết định trưng cầu giám định 05 gói chất ma túy và 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tạm giữ tại nhà bị can T. Phòng PC 54-CATP Hà Nội kết luận: 01 gói thu tại phòng hát KARAOKE (ở Y, H, Đ) có trọng lượng 0,236gam là Ketamine; 01 gói trong xe ô tô của bị can T có trọng lượng 0,211 gam là MDMA và 02 bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy có dính chất methamphetamine. Giám định 03 gói ma túy tạm giữ (tại V, V, Đ, Hà Nội) kết luận: 01 túi lilon màu trắng (kích thước 3x5)cm bên trong chứa Methamphetamine, có trọng lượng 0,364gam tại phòng hát Karaoke; 01 túi nilon màu trắng kích thước (2,5x2) tạm giữ trong vali là Ketamine có trọng lượng 0,421gam; 01 túi linon chứa chất ma túy dưới gầm bàn phòng hát Karaoke là Methamphetamine có trọng lượng 0,664 gam. Tổng trọng lượng chất ma túy tạm giữ của bị can T là: 1,232gam. T bộ số ma túy thu giữ của bị can T, quá trình điều tra T khai nhận mục đích T cất giữ là để sử dụng cho bản thân còn nguồn gốc số ma túy đó là do bạn bè trong xã hội cho T để T sử dụng. Riêng 01 túi linon chứa chất ma túy dưới gầm bàn phòng hát Karaoke có trọng lượng 0,664gam, bị can T trình bày không phải là của T.

Tại cơ quan điều tra các bị can Nguyễn H T, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn H T, Ngô Huy C và Ngô Đình Đ đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Ngoài ra tài liệu điều tra còn thể hiện: Vào ngày 10/11/2014, bị can T bảo Nguyễn Ngọc H (sinh năm 1979; trú tại: Tập thể C 4, H, Đ, Hà Nội) và Phan Mạnh D (thường gọi là “D chèm” - sinh năm 1975; trú tại: Tổ dân phố Đ 6, phường Đ, B, Hà Nội) đến nhà anh K yêu cầu anh K phải trả cho T số tiền 200.000.000đ, D và Hùng đồng ý. Bị can T vay của Nguyễn Mạnh P 200.000.000đ đưa cho Phan Mạnh D rồi D cho anh K vay để trả cho T, anh K đồng ý nhận 200.000.000đ (viết giấy nhận nợ với D) và giao lại số tiền 200.000.000đ cho D để trả cho T. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra triệu tập nhiều lần, nhưng Phan Mạnh D không đến làm việc, xác minh tại địa phương không biết Phan Mạnh D đang ở đâu, làm gì. Do vậy căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Phan Mạnh D, Nguyễn Ngọc H. Cơ quan điều tra tách rút T bộ tài liệu liên quan, tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

+ Đối với Nguyễn Việt V sử dụng xe ô tô Kia Morning chở các bị can Đ và Đ đến xưởng cơ khí của anh K rồi đi về, không tham gia bắt, khống chế, đánh anh K, không biết việc nhóm Đ và đồng phạm đánh và bắt anh K phải đưa cho T số tiền 70.00.000đ nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

+ Đối với việc bị can T và anh Nguyễn Văn K mua bán trang mạng cá độ bóng đá trái phép gói mạng trị giá 20.000USD (tương đương khoảng 400.000.000đ) xảy ra từ năm 2014, cả bị can T và anh K không nhớ tên trang mạng cá độ bóng đá trái phép. Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng của vụ án. Ban đầu bị can T khai mua trang mạng cá độ bóng đá trái phép của Nguyễn Vũ L (sinh năm 1986; trú tại: Phố T, U, Đ, Hà Nội) rồi đem bán cho K. Ngày 21/11/2016, bị can T thay đổi lời khai. T mua trang mạng cá độ bóng đá của đối tượng ngoài 30 tuổi quê ở Lạng Sơn (chưa xác định được nhân thân), hiện không nhớ tên và địa chỉ người bán mạng cá độ bóng đá. Bị can Đ khai tham gia đánh bạc trái phép (dưới hình thức cá độ bóng đá) với anh K, không nhớ các trận đấu bóng đá tham gia cá cược, không nhớ tỷ lệ đặt cược và số tiền đặt cược trong trận đấu là bao nhiêu, nay bị can Đ nợ anh K 70.000.000đ tiền thua cá độ

bóng đá. Cơ quan điều tra không có cơ sở kết luận nên không đề cập xử lý vi phạm hành chính về hành vi Tổ chức đánh bạc và đánh bạc đối với bị can T, anh K, Đ và những người liên quan.

+ Đối với Nguyễn Quốc H (sinh năm 1979; trú tại: Đ, H, Đ, Hà Nội) cho bị can Nguyễn H T mượn khẩu súng thể thao, đạn, 01 băng súng và 01 thước ngắm để sử dụng vào việc săn bắn, không có giấy phép sử dụng theo quy định. Anh H khai mua khẩu súng giá 4.000.000đ của hai người đàn ông (Chưa xác định được nhân thân) đang đi săn bắn tại cánh đồng xã K, Đ, Hà Nội. Anh H không biết người bán khẩu súng ở đâu nên Cơ quan điều tra không làm rõ được. Hành vi mua khẩu súng và đạn thể thao của Nguyễn Quốc H đã phạm vào điểm d khoản 5 Điều 10 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ. Ngày 05/12/2016, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

+ Đối với bị can Nguyễn H T mượn khẩu súng thể thao, đạn, 01 băng súng và 01 thước ngắm của Nguyễn Quốc H để sử dụng săn bắn, không có giấy phép sử dụng theo quy định, đã phạm vào điểm d khoản 5 Điều 10 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ. Ngoài ra, bị can T mua, tàng trữ thanh đao dài khoảng 80cm mặc dù bị can T không sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Áp dụng Pháp Lệnh 16/2011/UBTVQH12 xác định thanh đao trên là vũ khí thô sơ, đã phạm vào điểm c khoản 5 Điều 10 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ. Bị can Nguyễn H T đang bị tạm giam để phục vụ điều tra. Công an huyện Đ, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hình thức cảnh cáo.

Về phần yêu bồi thường dân sự:

Anh Nguyễn Văn K bị T cùng đồng phạm đánh gây tổn hại 14% sức khỏe. Khám và điều trị tại Bệnh viện đa khoa Đ từ ngày 20/4/2016 đến ngày 25/4/2016 ra viện về nằm điều trị tại nhà thêm 02 tháng, không lao động được mất thu nhập 29.000.000đ. Tiền thuốc và viện phí, mua đĩa giám định 3D là 2.200.000đ. Anh K nằm viện điều trị, chị Nguyễn Thị Q (sinh năm 1990; trú tại: H, H, Đ, Hà Nội- vợ anh K) nghỉ làm 06 ngày để chăm sóc, chị Q mất thu nhập 1.200.000đ. Tổng chi phí mất thu nhập của anh K và chị Q, tiền thuốc và viện phí là 32.400.000đ. Anh K

đề nghị các bị can bồi thường số tiền 32.400.000đ và đề nghị xử lý nghiêm các bị can theo quy định pháp luật. Cơ quan điều tra thông báo đến các bị can và gia đình các bị can nộp bồi thường khắc phục hậu quả. Ngày 24/12/2016, chị Nguyễn Thị D (vợ bị can T) nộp số tiền 3.500.000đ, ngày 16/1/2017, chị Trần Thị S (vợ bị can T), Lê Thị H (vợ bị can Đ), Nguyễn Thị Đ (vợ bị can C) mỗi người nộp số tiền 6.500.000đ ngoài ra chị Trần Thị S (vợ bị can T) còn nộp thay cho bị can Nguyễn Đình Đ số tiền 3.000.000đ để khắc phục hậu quả cho anh K.

Xử lý vật chứng của vụ án:

+ Đối với chiếc điều cày bị can Đ và bị can Đ lấy tại nhà anh Lưu

Văn T. Anh T khai đã làm thất lạc trong quá trình sửa chữa, dọn dẹp nhà ở. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được.

+ Đối với chiếc ô tô nhãn hiệu KIA Morning BKS: 29A- 406.85, bị can Ngô Huy C sử dụng làm phương tiện cùng đồng bọn bắt anh Nguyễn Văn K về nhà bị can T. Đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1979; trú tại: B51, Ngõ 455/6 H, TT Y, G, Hà Nội- vợ bị can C) mua cho anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1986; trú tại: K, T, P, Hà Nội- em ruột của chị Đ) sử dụng vào việc kinh doanh vận tải. Ngày 20/4/2016 C mượn xe ô tô của chị Đ để đi ăn cỗ cưới bạn. Chị Đ và anh H không biết việc C sử dụng xe ô tô làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Hiện nay chiếc xe ô tô anh H đang sử dụng, không cần tạm giữ.

+ Đối với 01 điện thoại di động IPHONE 5S màu trắng kèm theo 02 sim (thu của bị can T); 01 điện thoại di động Samsung Galaxy màu trắng kèm theo 01 sim (thu của bị can Đ); 01 điện thoại di động IPHONE 4, vỏ màu trắng và 01 điện thoại di động IPHONE 5, vỏ màu trắng kèm theo 02 sim, (thu của bị can T); 01 điện thoại di động NOKIA 1208, màu đen; 01 điện thoại di động XPHONE màu xám kèm theo 02 sim (thu của bị can Đ); 01 điện thoại di động NOKIA 215, màu đen; 01 điện thoại di động NOKIA 105 màu xanh đen kèm theo 02 sim (thu của bị can C)

+ 01 gói ma túy tạm giữ tại phòng hát KARAOKE (ở Y, H, Đ) có trọng lượng 0,236gam là Ketamine; 01 gói ma túy tạm giữ trong xe ô tô của bị can T có trọng lượng 0,211 gam là MDMA; 01 túi lilon màu trắng, kích thước (3x5)cm có trọng lượng 0,364gam là Methamphetamine tạm giữ tại phòng hát Karaoke (ở Thôn Võng La, xã Võng La, Đ) và 01 túi nilon màu trắng kích thước (2,5x2) thu

giữ trong vali ở phòng ngủ của bị can T có trọng lượng là: 0,421gam là Ketamine; 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy có dính chất Methamphetamine; 01 túi linon chứa chất ma túy dưới gầm bàn phòng hát Karaoke có trọng lượng 0,664 gam là Methamphetamine,

T bộ số vật chứng trên, các bị can đều sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra chuyển Tòa án giải quyết theo thẩm quyền.

Số tiền 3.500.000đ, gia đình bị can Nguyễn H T nộp bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, Cơ quan điều tra chuyển Tòa án giải quyết theo thẩm quyền.

+ Đối với 01 khẩu súng dài (dạng súng thể thao); 01 báng súng; 01 bộ phận thước ngắm; 01 hộp đựng 45 viên đạn (đã sử dụng 10 viên phục vụ công tác giám định) tạm giữ của bị can T. Ngày 22/6/2016, Cơ quan điều tra Quyết định trưng cầu giám định tại Viện khoa học hình sự-Bộ Công an: Ngày 07/7/2016, Viện khoa học hình sự- Bộ Công an xác định: Khẩu súng dài số 42793, súng có gắn ống ngắm và lắp giảm thanh là súng thể thao do Cộng hòa Liên bang Đức sản xuất, thuộc vũ khí thể thao, không phải là vũ khí quân dụng; 45 viên đạn là đạn thể thao cỡ 5,6x15,5mm, không phải đạn quân dụng; 01 thanh đao dài khoảng 80cm tạm giữ tại nhà bị can T, các bị can không sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội, không liên quan đến vụ án nên Công an huyện Đ tổ chức tiêu hủy.

- Đối với số vật chứng cơ quan điều tra tách rút để tiếp tục điều tra xử lý sau gồm:

+ 01 quyển sổ bìa màu đỏ có in chữ BUSINESS B8-240T kích thước (17,5x24,5)cm bên trong ghi người vay nợ tiền.

+ 01 quyển sổ bìa màu đen, bìa sổ in chữ BUSINESS-B8-240T kích thước (17,5x24,5)cm bên trong ghi người vay nợ tiền.

+ 01 quyển sổ bìa màu xanh-vàng, bìa có chữ NOTEBOOK bên trong ghi người vay nợ tiền.

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở H nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 946872 mang tên Phan Mạnh D (bản photocopy)

+ 01 giấy vay tiền đề ngày 8/3/20...; 01 giấy vay tiền đề ngày 10/5/2011; 01 giấy vay tiền đề ngày 28/6/20...; 01 giấy vay tiền đề ngày 14/4/2011 có chữ ký và chữ viết của người vay Nguyễn Công L (đều là bản photôcopy).

+ 01 đơn tố cáo gửi phòng CSĐTTP về TTXH, Phòng PC 45 - Công an TP Hà Nội người đứng đơn là Nguyễn Đức T (sinh năm 1975; trú tại: C, H, Đ, Hà Nội) đề ngày 24/2/2015 (đơn không có chữ ký).

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở H nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 442584 (bản photôcopy) mang tên Hoàng Thị T (sinh năm 1956; trú tại: L, L, Đ, Hà Nội).

+ 01 giấy vay tiền đề ngày 06/01/2015; 01 giấy vay tiền đề ngày 14/01/2015; 01 giấy vay tiền đề ngày 13/2/2015 đều mang tên Hoàng Thị T ký người vay.

+ 01 giấy đảm bảo vay tiền đề ngày 17/3/2015 có chữ ký người vay là Hoàng Thị T.

+ 01 giấy biên nhận tiền đặt cọc đất đề ngày 01/10/2015 có chữ ký của Hoàng Thị T.

+ 01 Giấy bàn giao đất, nhà đề ngày 06/3/2012 viết bằng mực màu xanh có chữ ký của Nguyễn Thị Loan P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A và Nguyễn Anh T.

+ 01 giấy bàn giao nhà đề ngày 06/3/2012 có chữ ký của Nguyễn Thị Loan P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A viết bằng mực màu xanh.

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn T (bản photocopy).

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01C8001658 mang tên Nguyễn Anh T (bản photôcopy).

+ 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của Nguyễn Anh T, Nguyễn Ngọc H, Hà Thị L và Nguyễn Văn A.

+ 01 giấy bán nhà và nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 06/11/2011.

+ 01 giấy chuyển nhượng đất khai hoang đề ngày 30/12/2013 có chữ ký của Nguyễn Thị V, Lê Quý K, Nguyễn Thị M, Bùi Thanh H (bản photocopy).

+ 01 giấy vay tiền đề ngày 20/9/2013 có chữ ký của người vay Nguyễn Quốc H.

+ 01 Giấy biên nhận đề ngày 19/9/2014 có chữ ký người viết Nguyễn Quang H.

+ 01 giấy chuyển nhượng đất 64 đề ngày 2/7/2012 có chữ ký của Nguyễn Văn L, Vũ Văn N, Nguyễn T Hải và Bùi Thanh H.

Xét T bộ tài liệu trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can trong vụ án này nên cơ quan điều tra tách rút để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau

+ 10 tờ giấy vay nợ (bản photocopy) có chữ ký người vay là Nguyễn Văn K (người bị hại của vụ án) viết và 02 quyển sổ hộ khẩu photocopy. Tài liệu điều tra thể hiện anh Nguyễn Văn K vay nợ của Lê Thị Hồng P (vợ của Phan Mạnh D). Hiện Phan Mạnh D vắng mặt khỏi nơi cư trú, chưa lấy được lời khai, Cơ quan điều tra tách tài liệu để điều tra làm rõ xử lý sau.

+ Đối với số vật chứng không liên quan đến việc phạm tội cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở H gồm:

01 ổ cứng Camera màu đen có in chữ Vantech tạm giữ tại nhà bị can T, kết quả kiểm tra không có dữ liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội của bị can T, là tài sản hợp pháp của bị can T; 03 thanh tuýp sắt dài 80cm, Đ kính 04cm, có 01 đầu vát nhọn và 01 thanh tuýp sắt dài khoảng 80cm, Đ kính 04cm (không có đầu nhọn), bị can T khai là đoạn sắt thừa khi làm hàng rào của gia đình, không phải là hung khí thực hiện hành vi phạm tội; 01 hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1673111/TC đề ngày 11/8/2014 tại VP Bank Cửa Bắc; 01 hợp đồng tín dụng số 1673111 đề ngày 11/8/2014 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Chi nhánh Hà Nội, Phòng giao dịch Cửa Bắc; 01 hợp đồng gửi giữ tài sản số 1673111/GG đề ngày 11/8/2014; 01 kế ước nhận nợ số 1673111 đề ngày 11/8/2014 tại VPB Cửa Bắc là giấy số giấy tờ liên quan đến việc bị can T thế chấp xe ô tô để vay tiền Ngân hàng, đều có nguồn gốc rõ ràng, là tài sản hợp pháp của bị can T, không liên quan đến vụ án này, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho gia đình bị can T.

+ 02 con dao nhọn, lưỡi dao dài khoảng 30cm, chuôi dao bằng gỗ dài khoảng 10cm (dạng dao chọc tiết lợn) và 01 thanh tuýp sắt dài khoảng 80cm, Đ kính 02cm tạm giữ khi khám xét nơi ở của bị can Ngô Huy C. Kết quả điều tra xác định các đồ vật này không phải là vật chứng của vụ án, là tài sản hợp pháp của gia đình bị can C, không cần tiếp tục tạm giữ, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho chị Nguyễn Thị Đ (vợ bị can C).

01 giấy chuyển nhượng đất khai hoang đề ngày 30/12/2013 có chữ ký của Nguyễn Thị V, Lê Quý K, Nguyễn Thị M, Bùi Thanh H (bản photocopy); Chị Nguyễn Thị V khai vay số tiền 300.000.000đ của chị Trần Thị S và Nguyễn H T. Do làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả nợ, chị Nguyễn Thị V và gia đình đã chuyển nhượng diện tích 38,3m² đất khai hoang cho bị can T và chị Trần Thị S để trừ tiền nợ. Xét thấy tờ giấy chuyển nhượng đất khai hoang có nguồn gốc rõ ràng, không vi phạm pháp luật, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho chị Trần Thị S.

01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở H nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 946872 mang tên Phan Mạnh D (bản photocopy), chị P khai vay tiền chị Trần Thị S có để lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của gia đình (bản photocopy). Xét thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này có nguồn gốc rõ ràng, là tài sản hợp pháp của chị P, không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho chị Lê Thị Hồng P.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 điện thoại di động IPHONE 5S màu trắng số IMEI: 013619002097691, gắn sim số thuê bao 0904446899 (của bị can Nguyễn H T); 01 điện thoại di động Samsung Galaxy màu trắng, số IMEI: 358579053028719/12 số thuê bao 0967872699 (của bị can Nguyễn Đình Đ); 01 điện thoại di động IPHONE 4, vỏ màu trắng số IMEI: 012836002728353, gắn số thuê bao 0968623253 và 01 điện thoại di động IPHONE 5, vỏ màu trắng, số IMEI: 358806058224260, gắn số thuê bao 0904632623 (của bị can Nguyễn H T); 01 điện thoại di động NOKIA 1208, màu đen, số IMEI 354644054382525, kèm sim số 0994108889; 01 điện thoại di động XPHONE, màu xám số IMEI: 359428065431348 và số IMEI: 359428065431355 gắn sim số thuê bao 01654923112 và sim số thuê bao 0973295226 (của bị can Ngô Đình Đ); 01 điện thoại di động NOKIA 215, màu đen có số SERI: 355134072091505 và số 355134072091513, gắn sim số thuê bao 01665525566 và 01 điện thoại di động NOKIA 105 màu xanh đen, số SERI 359750006947885, gắn sim số thuê bao 01635835034 (của bị can Ngô Huy C).

+ 01 gói chất ma túy tại phòng hát KARAOKE có trọng lượng 0,236gam là Ketamine; 01 gói chất ma túy trong xe ô tô có trọng lượng 0,211 gam là MDMA;

01 túi lilon màu trắng kích thước (3x5)cm có trọng lượng 0,364gam là Methamphetamine; 01 túi nilon màu trắng kích thước (2,5x2) thu giữ trong vali ở trong phòng ngủ có trọng lượng là: 0,421gam là Ketamine; 01 túi linon chứa chất ma túy dưới gầm bàn có trọng lượng 0,664 gam là Methamphetamine; 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy có dính chất Methamphetamine.

+ 01 chiếc sim điện thoại di động số seri 0989402000212790... và chữ vinaphone số thuê bao 01279986214; 01 sim điện thoại di động số seri 09894048604047249733 (không xác định được số thuê bao do đã khóa).

+ Số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn H T phạm tội Cướp tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma túy;

Các bị cáo Nguyễn Đình Đ; Ngô Đình Đ; Ngô Huy C, Nguyễn H T phạm tội Cướp tài sản;

* Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 (tái phạm- đối với C); Điều 47 (đối với T) Bộ luật hình sự:

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn H T **08 (T)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2016.

- Bị cáo **Nguyễn Đình Đ 08 (T)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2016.

- Bị cáo Ngô Đình Đ **07 (bảy)** năm **05 (năm)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/5/2016.

- Bị cáo Ngô Huy C **07 (bảy)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/5/2016

- Bị cáo Nguyễn H T **05 (năm)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2016

* Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn H T **15 (mười lăm)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2016.

* Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự, buộc Nguyễn H T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là **09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2016.

Ngoài ra bản án còn tuyên các quyết định khác về dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Không nhất trí với quyết định của án sơ thẩm, Trong đơn kháng cáo đề các ngày 11/4/2017, 04/4/2017, 07/4/2017, 07/4/2017, 04/4/2017 theo thứ tự các bị cáo Nguyễn H T, Ngô Đình Đ, Ngô Huy C, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn H T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong đơn kháng cáo đề ngày 05/4/2017 chị Trần Thị S là vợ của Nguyễn H T, chị Nguyễn Thị H là vợ của Nguyễn Đình Đ, chị Nguyễn Thị Đ là vợ của Ngô Huy C, chị Lê Thị H là vợ của Ngô Đình Đ, chị Nguyễn Thị D là vợ của Nguyễn H T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Lúc đầu các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, sau đó lại thay đổi nội dung kháng cáo là kêu oan, các bị cáo cho rằng mình không phạm tội “Cướp tài sản” như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã kết luận:

Về hình thức: các kháng cáo của các bị cáo là đúng về chủ thể kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội „Cướp tài sản“ theo điểm đ, e, khoản 2 Điều 133- Bộ luật hình sự là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo T cho rằng các bị cáo đánh anh K không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của anh K, mà đó là do bức vì thái độ của anh K. K nợ tiền T, Đ nợ tiền K, T bảo Đ đến nói với K về để giải quyết nợ chứ không buộc anh K phải trả nợ. Người bào chữa cho bị cáo cũng còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tình tiết tăng nặng định khung với bị cáo T đó là: thực tế bị cáo chưa lấy được tài sản của anh K nên không thể xác định bị cáo chiếm đoạt số tài

sản 70 triệu đồng của anh K và thương tích của anh K thể hiện còn có sự không thống nhất trong giấy chứng thương ban đầu với kết luận giám định. Bị cáo T cũng bị bệnh hiểm nghèo là HIV chuyển sang giai đoạn AIDS.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trong phần đối đáp khẳng định: Việc T cho K nợ tiền mua trang mạng cá độ bóng đá, đó là tiền bất hợp pháp không được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã dùng vũ lực gây thương tích 14% cho anh K để buộc anh K phải trả nợ 70 triệu đồng. Đối với việc không thống nhất trong giấy chứng thương ban đầu với kết luận giám định thì tại phiên toà ngày 20/7/20017 giám định viên đã giải thích rõ. Như vậy, các bị cáo đã có hành vi dùng vũ lực gây thương tích 14% cho anh K nhằm chiếm đoạt 70 triệu đồng của anh K. Do đó Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội „Cướp tài sản“ theo quy định tại điểm đ, e, khoản 2, Điều 133- Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các chị S, Đ, H, D chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

XÉT THẤY:

Về hình thức: Kháng cáo của các bị cáo là còn trong thời hạn kháng cáo và đúng về chủ thể kháng cáo nên được chấp nhận.

Trong đơn kháng cáo đề ngày 05/4/2017 chị Trần Thị S là vợ của Nguyễn H T, chị Nguyễn Thị H là vợ của Nguyễn Đình Đ, chị Nguyễn Thị Đ là vợ của Ngô Huy C, chị Lê Thị H là vợ của Ngô Đình Đ, chị Nguyễn Thị D là vợ của Nguyễn H T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các chị S, H, Đ, Hằng, D sau khi gửi các đơn trên đã được Toà án cấp sơ thẩm giải thích, các chị vẫn khẳng định các chị không kháng cáo về phần dân sự mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, là nội dung mà không thuộc phạm vi các chị được kháng cáo nên đơn của các chị chỉ được xác định là đơn đề nghị mà không phải là đơn kháng cáo. Toà án cấp sơ thẩm không trả lại đơn kháng cáo cho các chị và ra thông báo trả lại đơn kháng cáo cho các chị như hướng dẫn tại tiểu mục đ, của mục 3.1, phần I- Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm

2005 về việc Hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự là tH sót, cần rút kinh nghiệm.

Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận thực hiện các hành vi như án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ. Do vậy có đủ cơ sở để khẳng định:

Ngày 20/4/2016, xuất phát từ việc Nguyễn H T nhờ Nguyễn Đình Đ và đàn em đòi nợ 70 triệu đồng từ anh K giúp nên Nguyễn Đình Đ, Ngô Đình Đ, Ngô H C đã có hành vi đâm, đá, tát bắt anh K từ nhà anh Lưu Văn T (anh rể anh K) đưa về nhà Nguyễn H T. Sau khi ra khỏi nhà anh T thì T lái xe, Đ ngồi ghế phụ lái, hàng ghế sau anh K ngồi giữa, Đ và C ngồi hai bên. Đến cổng nhà Nguyễn H T, T đã chửi và đâm, đá K tại cổng nhà mình, yêu cầu K trả nợ. Hậu quả là anh K bị tổn hại 14% sức khỏe. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội „Cướp tài sản“ theo quy định tại điểm đ, e, khoản 2, Điều 133- Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo cũng như người bào chữa cho các bị cáo cho rằng các bị cáo đánh anh K không phải để bắt anh K trả nợ. Các bị cáo Đ, C, T còn cho rằng không biết việc Đ bắt K về để trả nợ tiền T. Tuy nhiên các bị cáo cũng thừa nhận rằng các bị cáo vẫn giữ nguyên những lời khai tại cơ quan điều tra. Quá trình điều tra thể hiện các bị cáo đều biết rõ việc Đ bắt K về để trả nợ tiền cho bị cáo T. Do anh K không đi theo yêu cầu của các bị cáo nên các bị cáo Đ, Đ, C đã có hành vi dùng chân, tay đâm, đá anh K bắt anh K phải lên xe ô tô do T lái về nhà T. Tại nhà T, bị cáo T cũng có hành vi dùng tay, chân đâm, đá anh K, hậu quả là anh K bị thương tích tổn hại 14% sức khỏe. Do đó việc các bị cáo cũng như người bào chữa cho các bị cáo cho rằng các bị cáo không phạm tội „Cướp tài sản“ là không có cơ sở, các bị cáo không oan.

Về thương tích của anh K: Có sự không thống nhất trong giấy chứng thương ban đầu với kết luận giám định, vấn đề này Hội đồng xét xử thấy: tại phiên tòa ngày 20/7/2017, giám định viên đã giải thích rõ: việc chụp phim X-quang thường để chuẩn đoán chính xác thương tích của anh K là rất khó vì hình ảnh gãy xương sườn trong phim X-quang đen trắng bị lẫn vào hình ảnh các mạch

máu ở tim, phổi. Hình ảnh chỉ được chẩn đoán chính xác trên cơ sở chụp cắt lớp. Anh K và gia đình cũng khẳng định sau khi ở bệnh viện đa khoa Đ về đến thời điểm giám định anh cũng không bị một tổn thương nào khác. Do vậy có cơ sở để khẳng định kết luận giám định về thương tích của anh K bị tổn hại 14% sức khỏe là chính xác.

Số tiền các bị cáo nhằm chiếm đoạt của anh K là 70 triệu đồng, các bị cáo gây thương tích cho anh K 14% nên việc người bào chữa cho các bị cáo cho rằng các bị cáo không phạm vào các tình tiết tăng nặng định khung theo quy định tại điểm đ, e, khoản 2, Điều 133- Bộ luật hình sự là không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà khẳng định số tiền mà bị cáo T cho anh K vay là không được pháp luật bảo vệ là chính xác bởi lẽ: việc T cho K vay tiền mà biết là để K sử dụng vào mục đích bất hợp pháp, cụ thể là việc cá độ bóng đá, nếu Cơ quan điều tra làm rõ được thì cả bị cáo T và anh K còn phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” và số tiền trên là công cụ, phương tiện phạm tội phải bị tịch thu sung quỹ nhà nước. Nên cho dù anh K có nợ bị cáo T là khoản tiền hợp pháp đi chăng nữa thì việc bị cáo T cũng như các bị cáo Đ, Đ, C, T giúp T đòi nợ anh K như vậy cũng đã là phạm tội “Cướp tài sản” chứ chưa nói đến đó là khoản tiền bất hợp pháp.

Khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét hết tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, cũng như các tình tiết giảm nhẹ. Tại phiên toà hôm nay các bị cáo không đưa ra được tình tiết nào mới nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với tội Tàng trữ Trái phép chất ma túy: bị cáo T nhất trí như án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cần bác yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Về án phí: Các cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lý trên,

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248- Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội, cụ thể:

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn H T phạm tội Cướp tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma túy;

Các bị cáo Nguyễn Đình Đ; Ngô Đình Đ; Ngô Huy C, Nguyễn H T phạm tội Cướp tài sản;

* Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 133; khoản 1, Điều 194; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50- Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn H T **08 (T)** năm tù về tội “Cướp tài sản”; **15 (mười lăm)** tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp buộc Nguyễn H T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **09 (chín)** năm **03 (ba)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2016.

* Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 (tái phạm- đối với C); Điều 47 (đối với T) Bộ luật hình sự:

Xử phạt:

- Bị cáo **Nguyễn Đình Đ 08 (T)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2016.

- Bị cáo **Ngô Đình Đ 07 (bảy)** năm **05 (năm)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/5/2016.

- Bị cáo **Ngô Huy C 07 (bảy)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/5/2016

- Bị cáo **Nguyễn H T 05 (năm)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2016.

2. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn H T, Nguyễn Đình Đ, Ngô Đình Đ, Ngô Huy C, Nguyễn H T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA, VKSND, Chi cục THADS, TAND huyện Đ;
- VKSND TP Hà Nội;
- Các bị cáo; người bào chữa cho b/c
- UBND xã H, xã X C, xã K, huyện Đ, Hà Nội.
- UBND thị trấn Y, G, Hà Nội.
- L- u HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

